

Tác động về xã hội của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với tỉnh Thái Nguyên

Nguyễn Thu Hằng

Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

Nguyễn Thu Nga

Trường Đại học Kinh tế & QTKD - Đại học Thái Nguyên

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá sự tác động về xã hội của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2000 — 2017. Đánh giá của FDI được đo lường bằng sự tác động của FDI đến việc làm và tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, các vấn đề xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khu vực FDI đã tạo ra công ăn việc làm cho hơn 11% số lao động trong cả tỉnh, tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể còn 1/3 so với các giai đoạn trước đó; FDI không chỉ có đóng góp đến việc tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp mà còn có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của người lao động, thu nhập trung bình trong giai đoạn 2016-2017 đã tăng gấp hơn 11 lần bình quân trong giai đoạn 2000-2003. Bên cạnh đó, FDI tác động tới một số vấn đề liên quan đến môi trường làm việc của người lao động, gia tăng tệ nạn xã hội, tăng cường bóc lột đối với lao động tại địa phương.

1. Giới thiệu

Theo Quý tiên tệ quốc tế, FDI được định nghĩa là: "Một khoản đầu tư mà một tổ chức trong một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) thu được lợi ích lâu dài từ một doanh nghiệp đặt tại một nền kinh tế khác. Mục đích của nhà đầu tư trực tiếp là muốn có nhiều ảnh hưởng trong việc quản lý doanh nghiệp đặt tại nền kinh tế khác đó". Tổ chức Thương mại Thế giới đưa ra định nghĩa về FDI như sau: FDI xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường hay được gọi là "công ty mẹ" và các tài sản được gọi là "công ty con" hay "chi nhánh công ty". Theo Luật Đầu tư năm 2014 thì đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư và đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

Mặc dù còn có nhiều cách diễn đạt khác nhau về định nghĩa FDI, song có thể thấy, hầu hết các tổ chức, các nhà kinh tế đều thừa nhận và thống nhất về khái niệm FDI ở quyền kiểm soát hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài. Quyền kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh chính là lợi thế mà các nhà đầu tư trực tiếp có được so với các nhà đầu tư gián tiếp nước ngoài.

Trong những năm vừa qua, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) luôn được tỉnh Thái Nguyên coi trọng và xác định là nguồn lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu sớm đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại trước năm 2020. Định hướng này đã giúp công tác thu hút đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có những bước tiến đáng khích lệ, đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành điểm sáng về thu hút đầu tư trong cả nước. Theo báo cáo của tỉnh Thái Nguyên, kết quả thu hút đầu tư FDI vào tỉnh trong những năm gần đây rất ấn tượng: Nếu như năm 2011 chỉ có 5 doanh nghiệp FDI thì đến hết tháng 6/2016 đã có 77 doanh nghiệp FDI tham gia hoạt động tại các khu công nghiệp Thái Nguyên.

FDI là nguồn lực quan trọng để phát triển nền kinh tế của địa phương vì FDI không đơn thuần chỉ là vốn, mà kèm theo đó là công nghệ, kỹ thuật, phương thức quản lý tiên tiến. Nguồn lực này sẽ tạo động lực thúc đẩy thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với cải cách thể chế kinh tế và tái cơ cấu nền kinh tế. Vì vậy, việc đánh giá những đóng góp về mặt xã hội của FDI đối với tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn bùng nổ FDI (2000-2017) là rất cần thiết.

Văn hóa - xã hội là lĩnh vực rất nhạy cảm và mang đậm bản sắc của mỗi quốc gia. Khi tiếp nhận FDI, có nghĩa là nước chủ nhà đã mở cửa giao lưu với nền văn hóa các dân tộc trên thế giới. ĐTNN tác động mạnh vào mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc của dân tộc với tiếp nhận nền văn hóa bên ngoài ở các mặt quan trọng như: đời sống tư duy; thái độ và đạo đức nghề nghiệp; lối sống, tập quán; giao tiếp ứng xử; bình đẳng

giới và các vấn đề xã hội.

Chất lượng của tư duy là yếu tố quyết định sự phát triển của xã hội. Đổi mới tư duy tức là đổi mới cách nghĩ, cách làm. FDI tác động rất tích cực vào quá trình này thông qua trực tiếp đào tạo các nhà quản lý bản địa có kiến thức kinh doanh hiện đại, những lao động làm việc trong các công ty nước ngoài, tiếp xúc với công nghệ hiện đại và gián tiếp tạo ra trong xã hội, nhất là thế hệ trẻ, một lối nghĩ mới có hiệu quả của nền kinh tế thị trường.

Thái độ và đạo đức nghề nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến hành vi và chất lượng lao động của mỗi cá nhân. Do hoạt động trong môi trường cạnh tranh gay gắt, những người làm việc trong các dự án đầu tư nước ngoài phải có thái độ nghiêm túc với công việc và đảm bảo uy tín cao đối với khách hàng. Nhờ đó, góp phần quan trọng hình thành nên phong cách kinh doanh có văn hóa. Đầu tư nước ngoài đã làm thay đổi đáng kể lối sống, tập quán của các tầng lớp dân cư theo kiểu hiện đại, tiêu dùng công nghiệp. Tác phong công nghiệp đã buộc người lao động phải tiết kiệm thời gian cho gia đình và sinh hoạt cá nhân. Đầu tư nước ngoài tác động tích cực đến văn hóa giao tiếp, ứng xử ở nước chủ nhà. Những người làm việc trong khu vực đầu tư nước ngoài hoặc có quan hệ với các công ty nước ngoài thường có phong cách giao tiếp lịch sự và thái độ ứng xử hòa nhã, tôn trọng đồng nghiệp và khách hàng. Phong cách này dần dần lan toả ra các cá nhân trong toàn xã hội.

FDI nâng cao năng lực quản lý của nước chủ nhà theo nhiều hình thức như các khóa học chính quy, không chính quy, và học thông qua làm. Tóm lại, FDI đem lại lợi ích về tạo công ăn việc làm. Đây là một tác động kép: tạo thêm việc làm cũng có nghĩa là tăng thêm thu nhập cho người lao động, từ đó tạo điều kiện tăng tích lũy trong nước. Tuy nhiên, sự đóng góp của FDI đối với việc làm trong các nước nhận đầu tư phụ thuộc rất nhiều vào chính sách và khả năng kỹ thuật của nước đó. Từ đó, giảm tỷ lệ thất nghiệp dẫn đến những hệ lụy xã hội như tệ nạn xã hội do thất nghiệp mang lại. FDI cũng tạo điều kiện nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện các chỉ tiêu về giáo dục, y tế và hướng thụ văn hóa của quốc gia nhận đầu tư.

Bài viết này tập trung đánh giá tác động của FDI tới xã hội của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2000 — 2017. Đánh giá của FDI được đo lường bằng tác động của FDI đến việc làm và tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, các vấn đề xã hội.

2. Thực trạng tác động của FDI tới khía cạnh xã hội của tỉnh Thái Nguyên

2.1. Tác động đến việc làm và tỷ lệ thất nghiệp

Bảng 1 và 2 thống kê số lao động từ 15 đang làm việc tại thời điểm 1/7 hàng năm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2000-2017 được phân chia

theo khu vực kinh tế. Tổng số lao động tăng mạnh từ năm 2005 trở đi, số lao động bình quân giai đoạn 2016-2017 cao gấp gần 17 lần giai đoạn 2000-2003 (43.754 người) và hơn 3 lần giai đoạn 2004-2006 (227.557 người). Số lượng lao động cao nhất trong giai đoạn là trên 750 nghìn người vào năm 2016. Phân chia theo khu vực kinh tế, có thể thấy số lao động trong khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước đều có xu hướng tăng cao theo thời gian. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đột biến thuộc về số lao động trong khu vực FDI với con số gần 84 nghìn người trong giai đoạn 2016-2017, gấp gần 7 bảy lần số lao động bình quân trong giai đoạn trước đó (2011-2013).

Bảng 1. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm (người)

	Tổng	Nhà nước	Ngoài NN	FDI
2000-2003	43 754	31 281	11.896	577
2004-2006	227 557	42 361	184 492	703
2007-2009	617 251	70 395	545 523	1 333
2010-2012	685 842	71 252	608 609	5 981
2013-2015	723 597	72 191	595 870	55 537
2016-2017	755 210	72 445	582 313	100 453

Nguồn: Niên giám thống kê giai đoạn 2000 — 2017

Sự thay đổi của cơ cấu lao động trong các khu vực kinh tế: Nhà nước, ngoài Nhà nước, FDI trong giai đoạn nghiên cứu, được thể hiện trong bảng 2. Bảng này cho biết ngoại trừ giai đoạn 2000-2003, lao động trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước (cá thể, tư nhân, tập thể) vẫn chiếm vai trò chủ đạo (chiếm trên 80%). Mặc dù vậy, khu vực FDI cũng tạo ra công ăn việc làm cho hơn 11% số lao động trong cả tỉnh trong giai đoạn 2016 — 2017.

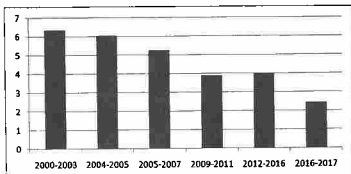
Bảng 2. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm (%)

	Tổng	Nhà nước	Ngoài NN	FDI
2000-2003	100%	71,49%	27,19%	1,32%
2004-2006	100%	18,62%	81,08%	0,31%
2007-2009	100%	11,40%	88,38%	0,22%
2010-2012	100%	10,39%	88,74%	0,87%
2013-2015	100%	9,98%	82,35%	7,68%
2016-2017	100%	9,59%	77,11%	13,30%

Nguồn: Niên giám thống kê giai đoạn 2000 — 2017

Đóng góp của FDI vào việc giải quyết vấn đề tạo việc làm cho người lao động còn được thể hiện ở sự thay đổi trong tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của tỉnh Thái Nguyên trong thời gian qua. Biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể từ năm 2011 cho đến 2017. Tỷ lệ thất nghiệp cao nhất là hơn 6% trong năm 2001 và giảm xuống mức thấp nhất là chưa đến 2% trong năm 2013. Có thể nói, giai đoạn bùng nổ của FDI đã làm cho tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 1/3 so với các giai đoạn trước đó.

Hình 1. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động (%)

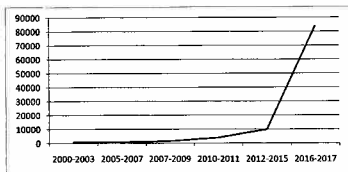


Nguồn: Niên giám thống kê giai đoạn 2000 – 2017

2.2. Tác động đến tỷ lệ lao động đã qua đào tạo

Trong khoảng thời gian 2000-2017, các dự án FDI đặc biệt là dự án của Tập đoàn Samsung dù mới bắt đầu được thực hiện tại Thái Nguyên từ 2013, thực sự đã giải quyết được bài toán việc làm cho người lao động ở địa phương. Biểu đồ 2 cho thấy số lượng người lao động 15 tuổi đang làm việc cho các doanh nghiệp FDI đã tăng lên nhanh chóng qua các giai đoạn. Nếu như trung bình giai đoạn 2000-2001 chỉ có 544 người lao động trong doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh thì con số đó đã tăng gấp 145 lần, lên tới 83.903,67 người trong giai đoạn 2016-2017.

Hình 2. Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp FDI

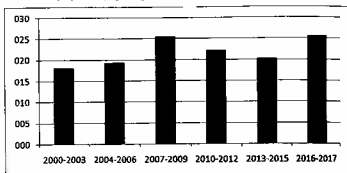


Nguồn: Niên giám thống kê giai đoạn 2000 – 2017

Số lượng người lao động trong các doanh nghiệp FDI tăng nhanh là một tín hiệu đáng mừng cho nền kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, một điều đáng lo ngại là chất lượng người lao động trong các doanh nghiệp này có được cải thiện tương ứng với sự phát triển của quy mô lao động hay không. Biểu đồ 3 cho biết tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trên tổng số lao động tại các doanh nghiệp FDI. Có thể thấy rằng, trình độ của người lao động không có sự thay đổi đáng kể giữa các giai đoạn nghiên cứu. Nếu như giai đoạn 2000-2003, tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo là hơn 18% thì con số đó trong giai đoạn 2010-2012 và giai đoạn 2016-2017 lần lượt là hơn 20% và 25%. Việc trình độ của người lao động không tăng nhiều là do yêu cầu đổi mới công nhân làm việc trực tiếp trong hầu hết các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là nhà máy điện thoại Samsung là chỉ cần tốt nghiệp PTTH. Về trước mắt, người lao động không cần qua đào tạo nghề trước khi

tuyển dụng đã được làm việc sẽ giải quyết được bài toán việc làm, giảm gánh nặng cho xã hội. Tuy nhiên, về lâu dài, khi doanh nghiệp FDI rút đi hoặc khi người lao động không còn đủ điều kiện sức khỏe để tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp FDI thì họ sẽ khó có khả năng tham gia thị trường lao động khi không có trình độ chuyên môn nhất định.

Hình 3. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại các doanh nghiệp FDI (%)



Nguồn: Niên giám thống kê giai đoạn 2000 – 2017

2.3. Tác động FDI đến các vấn đề xã hội

IPEN, tổ chức phi chính phủ có văn phòng tại Thụy Điển, cùng Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển (CGFED) mới đây đưa ra báo cáo khảo sát về lao động làm việc tại các nhà máy của Samsung Việt Nam. Báo cáo chỉ ra rằng lao động nữ phải làm việc trong tình trạng kiệt quệ, xen ca cả ngày lẫn đêm, đứng liên tục trong suốt 9-12 tiếng làm việc trong môi trường tiếng ồn vượt quá giới hạn luật Việt Nam cho phép. Lao động có thai cũng phải đứng trong suốt thời gian làm việc nhưng được phép nghỉ giải lao. Tuy nhiên, hầu hết không ai dám nghỉ vì sợ công ty cho rằng lao động nghỉ quá thời gian cho phép. Thời gian biểu bị quản lý chặt tới mức người lao động phải xin “thẻ đi vệ sinh” nhằm phục vụ mục đích tối đa thời gian sản xuất của doanh nghiệp. Những người được phỏng vấn đều cảm thấy chóng mặt và ngất xỉu tại nơi làm việc, ngoài ra, họ còn có những biểu hiện khác như giảm thị lực, chảy máu mũi, biến đổi sắc mặt mặt, đau bụng và xương và khớp. Lao động nữ được phỏng vấn nói rằng họ không làm việc trực tiếp với hóa chất. Tuy nhiên, không ai trong số đó nghĩ các chất tẩy rửa cũng chứa hóa chất hoặc biết chắc rằng mình có tiếp xúc với hóa chất ở các nơi khác trong nhà máy hay không...

Từ kết quả khảo sát, báo cáo này cũng đưa ra khuyến nghị: Kết quả rút ra từ nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết phải thực hiện các chính sách và hành động để ngăn ngừa các hậu quả xấu đối với người lao động trong ngành điện tử và môi trường. Tăng cường hiểu biết về ngành điện tử và các tác động của ngành công nghiệp này tại Việt Nam là rất cần thiết, đặc biệt là dữ liệu phân tích độ ảnh hưởng đối với nữ giới. Cuối cùng, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức công chúng về an toàn và sức khỏe lao động và các hóa chất sử dụng trong ngành điện tử.

Mặc dù báo cáo là kết quả phỏng vấn 45 người trong số 160.000 lao động tại Việt Nam nên khiến cho độ khách quan và tin cậy của kết quả nghiên cứu không hoàn toàn được bảo đảm. Bản thân tập đoàn Samsung cũng có những phản hồi không đồng tình về báo cáo này sau khi báo cáo được công bố. Tuy nhiên, cũng từ nghiên cứu này, các vấn đề liên quan đến việc bảo đảm quyền lợi cho công nhân nhất là công nhân nữ cũng cần được xem xét.

Bên cạnh vấn đề về môi trường làm việc cho người lao động, một vấn đề xã hội đang thu hút được sự chú ý là việc gia tăng tệ nạn xã hội, “điểm nóng” về an ninh trật tự tại các địa phương có doanh nghiệp FDI, nơi thu hút hàng trăm nghìn lao động từ khắp đất nước, chẳng hạn huyện Phố Yên, Thái Nguyên.

3. Kết luận

- Tác động tích cực: FDI có tác động tới giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt đối với phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm. Để các dự án của mình có hoạt động ngày càng hiệu quả, các nhà đầu tư FDI buộc phải đào tạo đội ngũ công nhân, cán bộ quản lý làm việc cho mình đã tiết kiệm cho nước chủ nhà một phần ngân sách nhà nước. Ngoài ra, để đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực trong các dự án, doanh nghiệp FDI thường đưa người lao động đi đào tạo ở nước ngoài để họ tiếp cận được với công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại. Mặt khác, do sức ép cạnh tranh trên thị trường lao động, người lao động trong nước không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của mình qua học tập và qua công việc, từ đó chất lượng nguồn nhân lực trong nước được nâng lên, cụ thể:

+ Tác động FDI đến việc làm và tỷ lệ thất nghiệp: Khu vực FDI đã tạo ra công ăn việc làm cho hơn 11% số lao động trong cả tỉnh trong giai đoạn 2016 — 2017. Tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể còn 1/3 so với các giai đoạn trước đó.

+ Tác động FDI đến thu nhập người lao động: FDI không chỉ có tác động đến việc tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp mà còn có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của người lao động. Thu nhập trung bình trong giai đoạn 2016-2017 đã tăng gấp hơn 11 lần bình quân trong giai đoạn 2000-2003.

- Tác động tiêu cực: FDI tác động tới một số vấn đề liên quan đến môi trường làm việc của người lao động, nhất là lao động nữ trong các doanh nghiệp FDI còn gặp phải những ý kiến trái chiều. Ngoài ra, một vấn đề xã hội đang thu hút được sự chú ý là việc gia tăng tệ nạn xã hội, “điểm nóng” về an ninh trật tự tại các địa phương có doanh nghiệp FDI, nơi thu hút hàng trăm nghìn lao động từ khắp đất nước, chẳng hạn huyện Phố Yên, Thái Nguyên. Bên cạnh đó, FDI có thể tăng cường bóc lột đối với lao động tại địa phương như kéo dài thời gian lao động, tiền công thấp, trốn bảo hiểm, thậm chí vi phạm thân thể và nhân quyền đối với lao động, di

chuyển các tiêu cực như hối lộ và những tệ nạn xã hội khác, ...tạo ra các bức xúc xã hội gay gắt, biểu hiện thông qua các cuộc đình công của công nhân trong các doanh nghiệp FDI. Thực tế cho thấy, nguyên nhân trực tiếp của các cuộc đình công trong các doanh nghiệp FDI thường xuất phát từ các lý do chậm điều chỉnh mức lương tối thiểu đã bị trượt giá./.

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê Thái Nguyên (2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017), Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, Thái Nguyên.

IMF (1993), Balance of Payments Manual, IMF's fifth edition. Địa chỉ: <https://www.imf.org/external/np/sta/bop/BOPman.pdf>

Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), Luật Đầu Tư, Địa chỉ: <http://vanban.chinhphu.vn>.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2006), Quyết định về việc phê duyệt Định hướng Chiến lược PTBV tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, Thái Nguyên

UBND tỉnh Thái Nguyên (2010), Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 — 2015, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2013), Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2013), Đề án phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2016), V/v báo cáo trực tuyến về tình hình Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2018), Báo cáo các nội dung liên quan đến đầu tư dự án Khu tổ hợp công nghệ cao Samsung tại Thái Nguyên, Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên (2018), Báo cáo tổng kết 30 năm đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Thái Nguyên.